TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 9 - 2022
V/v *tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh; ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh

2. Bị đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Nhật Bản

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn B kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 18/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn chị T và anh B được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà nội tại xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, khoảng cách về địa lý mỗi người một nơi nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn tin tưởng và quan tâm đến nhau. Năm 2018, anh Dương Văn B đi xuất khẩu lao động nước ngoài cho đến nay chưa về Việt Nam. Nay

chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn B

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn B không có con chung

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, thông qua gia đình là bà Nguyễn Thị Vơn (mẹ đẻ anh B), anh Dương Văn B trình bày: Anh nhất trí như trình bày của chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh B cho biết giữa anh B và chị T đã không còn tình cảm với nhau. Nay chị T làm đơn yêu cầu ly hôn đối với anh, anh đồng ý để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới

Về con chung, tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Anh Dương Văn B cho biết hiện nay anh đang lao động tại Nhật Bản do công việc nên anh không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Bà Nguyễn Thị V (Mẹ đẻ anh B) đồng ý nhận các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh B và bà cam đoan sẽ thông báo cho anh B biết đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Dương Văn B.

Về con chung, tài sản chung: Không có và không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Dương Văn B hiện đang sinh sống, lao động tự do tại Nhật Bản không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 8021/QLXNC-P5, ngày 25/4/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Dương Văn B, sinh ngày 12/01/1989 đã xuất cảnh ngày 20/7/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, thông qua gia đình, anh Dương Văn B trình bày vì điều kiện công việc không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết

vụ án và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án; bà Nguyễn Thị Vơn (mẹ đẻ anh B) đồng ý giao nhận tài liệu, chứng cứ của Tòa án cho anh B. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Văn B theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn B đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn 18/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K (nay là thị xã K), tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2018, sau khi anh B đi lao động tại Nhật Bản. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, thiếu tin tưởng lẫn nhau dẫn đến không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm với nhau.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của chị T và anh B không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dương Văn B.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Nguyễn Thị T và anh Dương Văn B không có con chung

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Dương Văn B

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000198 ngày 19/5/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Thu Hiền